

Bản án số: 257/2025/HC-PT

Ngày: 23-5-2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh
vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi
bà Phan Thị Vân Hương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 02 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2022/HC-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1225/2025/QĐPT-HC ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Võ Thị Hoàng O**, sinh năm 1970; Địa chỉ: **số A đường T, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông **Nguyễn Chí H**, sinh năm 1958; Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt

+ Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1976; Địa chỉ: **B Đường E N, P, B, Hà Nội**.
Vắng mặt

- Người bị kiện: **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (Nay là Sở N)**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

Địa chỉ: Số A đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Trung C - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q. Xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Số E đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Xuân V - Phó Chi cục trưởng.

Cùng địa chỉ: Số B đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số A đường T, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

Người kháng cáo: người khởi kiện bà Võ Thị Hoàng O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/6/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 20/11/2022; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Võ Thị Hoàng O trình bày:*

Năm 2011, bà Nguyễn Thị Kim B đơn phương gắn cánh cửa nhôm bên ngoài đường đi vào nhà bà, vì vậy bà đã khiếu nại hành vi này của bà B đến UBND thành phố Q. Ngày 24/11/2011, UBND thành phố Q ra Văn bản số 111/UBND, đã kết luận: “Bà Võ Thị Hoàng O được phép sử dụng hẻm A T làm lối đi chung theo quy định của pháp luật”. Từ đó, bà nhiều lần yêu cầu bà B phải tự tháo dỡ cánh cửa nhôm gắn trên tường nhà bà nhưng bà B không tháo dỡ, buộc lòng bà phải tháo để lấy lối đi.

Năm 2014, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi buộc bà B chấm dứt hành vi cản trở việc đi lại của gia đình bà trên lối đi chung này. Tuy nhiên, hai cấp xét xử đã không khách quan nên công nhận lối đi chung thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Kim B.

Căn cứ Bản án số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trái quy định pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất 64,9m² tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 phường C, thành phố Q; đồng thời công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Bản án số 56/2017/DSPT ngày

14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi diện tích đất đường đi ngoài thửa đất số 16 có diện tích đo đạc thực tế là 8,1m² cho bà **Nguyễn Thị Kim B** tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, vào sổ số: CS 12558 cấp ngày 25/7/2018.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 16/2022/DS-GĐT ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên hủy Bản án số 56/2017/DSPT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và giao hồ sơ về Tòa án giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, do bà là nguyên đơn. Thời gian qua, để có vốn kinh doanh, bà có vay của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K** gần 02 tỷ đồng. Thời gian đầu, bà trả lãi cho Ngân hàng đầy đủ và đúng hạn. Về sau do tình hình dịch bệnh **C1 – 19** và kinh doanh thua lỗ, cộng với việc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có ý ban hành bản án trái pháp luật gây oan sai cho bà nên việc trả lãi bị chậm trễ. Tuy vậy, khoản nợ vay của Ngân hàng bà vẫn tìm cách trả để đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, theo đó bà đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nhưng do đất còn đang tranh chấp nên việc chuyển nhượng không thành. Về diện tích 8,1m² đất đường đi chung này bị bà **B** chiếm đoạt bằng cách tự ý gắn cánh cửa nhôm lên tường nhà bà ngay đầu hẻm và khóa cửa để lấp lối đi chung. Sau khi gửi đơn đến cơ quan chức năng đề yêu cầu tháo dỡ nhưng bà **B** không thực hiện nên bà đã tháo dỡ; việc tranh chấp đó tại thời điểm hiện nay không còn.

Việc yêu cầu cấp quyền sử dụng đất đối với 8,5m² đất đường đi chung này (theo số đo khác thì diện tích là 8,1m²), nhiều lần bà **B** có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận nhưng cũng nhiều lần Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **thành phố Q** bác bỏ. Tại Thông báo số 498/TB-VPĐKQSDĐ ngày 21/7/2013, Báo cáo số 174/BC-TNMT ngày 27/8/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **thành phố Q** kết luận: “Nhu vậy, đường đi vào nhà, đất bà **Nguyễn Thị Kim B** đang sử dụng hiện nay là đường đi chung”. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là một ngôi nhà, kèm theo đó là lối đi chung mà các thế hệ sở hữu trước cũng như chính quyền địa phương thuộc **UBND thành phố Q** thừa nhận để lấy tiền trả nợ vay Ngân hàng, trong lúc bản án trái pháp luật đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên hủy thì ngày 12/5/2022, bà có đơn yêu cầu **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 25/7/2018 cho bà **Nguyễn Thị Kim B**. Tuy nhiên, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** không trực tiếp giải quyết và chuyển đến **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q** để trả lời cho bà có nội dung: Do Quyết định giám đốc thẩm số 16/2022/DS-GĐT không tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà **Nguyễn**

Thị Kim B. Do đó, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q không có cơ sở thực hiện (Tại Công văn số 864/CNTPQN ngày 01/6/2022). Đây là hành vi gây thiệt hại cho bà khi bà muốn rút đơn khởi kiện và giải quyết nhanh các tranh chấp để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để trả nợ vay Ngân hàng, giảm thiểu các thiệt hại khi buộc phải trả lãi cho Ngân hàng do chậm trả nợ. Từ các lý do trên, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố hành vi hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q về việc không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558, ngày 25/7/2018 đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kim B tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 phường C là hành vi trái pháp luật.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO: 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 25/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim B đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 phường C, diện tích 73m², loại đất ở đô thị.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Hoàng O xin rút yêu cầu khởi kiện: Tuyên bố hành vi hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q về việc không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558, ngày 25/7/2018 đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kim B tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 phường C là hành vi trái pháp luật.

** Tại Văn bản số 4298/STNMT-VPĐKĐ ngày 24/8/2022, Văn bản số 6626/STNMT-VPĐKĐ ngày 20/12/2022, người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q trình bày:*

Việc bà Võ Thị Hoàng O yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 05/3/2007, bà Nguyễn Thị Kim B được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01, diện tích 64,9m², số vào sổ H 01312 phường C, thành phố Q.

Ngày 14/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bản án số 56/2017/DS-PT về việc tranh chấp về quyền sử dụng lối đi chung và tháo dỡ tài sản trên lối đi chung; tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, tháo dỡ vật kiến trúc và chấm dứt việc trở cửa, có nội dung: “Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hoàng O về việc tranh chấp quyền sử dụng lối đi chung là diện tích 8,5m²; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim B, xác định bà Nguyễn Thị Kim B có quyền sử dụng diện tích đất 8,5m², có giới cận: Phía Bắc giáp với đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi rộng 1,1m; Phía Nam giáp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của bà

Nguyễn Thị Kim B rộng 0,87m; phía Đông giáp đất ông Lê Thanh D dài 8,6m; phía Tây giáp nhà số A đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của bà Võ Thị Hoàng O dài 8,6m”.

Ngày 24/5/2018, bà Nguyễn Thị Kim B nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên. Ngày 04/7/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q có Phiếu trình số 7985/PTr-CNTPQN về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim B. Ngày 25/7/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim B tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 2016), diện tích 73m², đất ở tại đô thị, phường C, thành phố Q, số phát hành: CO 338918, sổ vào sổ cấp GCN: CS 12558.

Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, diện tích 73m², phường C, thành phố Q cho bà Nguyễn Thị Kim B vào ngày 25/7/2018 có phần diện tích tăng 8,1m² lỗi đi chung là căn cứ theo Bản án số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có hiệu lực pháp luật, thực hiện đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Tuy hiện nay Bản án số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã bị hủy bỏ theo Quyết định giám đốc thẩm số 16/2022/DS-GĐT ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, nhưng tại phần quyết định Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giao lại cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử lại. Do đó, việc bà Võ Thị Hoàng O đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim B tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 2016), diện tích 73m², đất ở tại đô thị, phường C, thành phố Q, sổ vào sổ cấp GCN: CS 12558 là chưa thể thực hiện được.

** Tại Văn bản số 1478/BC-CCTHADS ngày 22/8/2022, ông Đoàn Xuân V là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi trình bày:*

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi tổ chức thi hành án Bản án số 40/2016/DS-ST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi; Bản án số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định thi hành án số 1305/QĐ-CCTHADS ngày 11/7/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo Đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Kim B về khoản: Bà Nguyễn Thị Kim B được sử dụng diện tích đất 8,5m², có giới cận: phía Bắc giáp đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi rộng 1,1m; phía Nam giáp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của bà Nguyễn Thị Kim B

rộng 0,87m; phía Đông giáp đất ông [Lê Thanh D](#) dài 8,6m và phía Tây giáp nhà [số A T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi](#) của bà [Võ Thị Hoàng O](#) dài 8,6m. Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã tổng đạt các thủ tục về thi hành án theo đúng quy định cho các bên đương sự và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ.

Tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy việc tiếp nhận, thụ lý và ban hành Quyết định thi hành án chưa đảm bảo các quy định về thi hành án dân sự. Do đó, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ; ngày 22/5/2018, Chấp hành viên đã có Phiếu đề xuất Chi cục trưởng ban hành Quyết định thu hồi về thi hành án đối với Quyết định thi hành án số 1305/QĐ-CCTHADS ngày 11/7/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Trên cơ sở đề xuất của Chấp hành viên, Chi cục trưởng đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-CCTHADS ngày 22/5/2018 về việc thu hồi quyết định về thi hành án với nội dung: Thu hồi toàn bộ Quyết định thi hành án số 1305/QĐ-CCTHADS ngày 11/7/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi về khoản: bà [Nguyễn Thị Kim B](#) được sử dụng diện tích đất 8,5m², có giới cận: phía Bắc giáp [đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi](#) rộng 1,1m; phía Nam giáp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01, [phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi](#) của bà [Nguyễn Thị Kim B](#) rộng 0,87m; phía Đông giáp đất ông [Lê Thanh D](#) dài 8,6m và phía Tây giáp nhà [số A T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi](#) của bà [Võ Thị Hoàng O](#) dài 8,6m. Sau khi Chi cục trưởng ban hành Quyết định về việc thu hồi quyết định về thi hành án; ngày 23/5/2018, Chấp hành viên có Thông báo số 329/TB-THADS về việc thu hồi Quyết định về thi hành án và đã tổng đạt cho bà [Nguyễn Thị Kim B](#). Như vậy, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi không thụ lý, tổ chức giao quyền sử dụng diện tích 8,5m² đất theo Bản án cho bà [Nguyễn Thị Kim B](#). Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 do [Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q](#) cấp ngày 25/7/2018 cho bà [Nguyễn Thị Kim B](#) đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, [phường C](#), diện tích 73m², loại đất ở đô thị là bà Bích tự liên hệ kê khai, làm các thủ tục với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Tại Bản trình bày ý kiến ngày 26/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị Kim B](#) trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp 8,1m² không phải là lối đi chung:

Nguyên thửa đất số hiệu 2518, số kiến điền 107, tờ 19, diện tích 133m² ở tại

A T, phường C, thành phố Q là của ông Nguyễn Ngọc C2 và bà Đoàn Thị H1 bán cho cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn L và bà Phạm Thị L1 ở xã T, quận T, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nay là phường C, thành phố Q theo văn tự đoạn mãi bất động sản ngày 29/4/1970. Vị trí thửa đất có giới cận: Phía Đông cận số hiệu 108; Phía Tây cận số hiệu 105 và 106; Phía Nam cận số hiệu 110; Phía Bắc cận lộ. Giá bán: 20.000đ (Hai mươi ngàn đồng) đã được Xã trưởng xã T đóng dấu. Diện tích đất nêu trên là quyền sở hữu của cha mẹ chồng bà được pháp luật công nhận và sử dụng ổn định, không ai tranh chấp.

Năm 1993, cha chồng bà tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký sở hữu nhà tại Sở Xây dựng tỉnh Q. Hiện trạng ngôi nhà năm 1993 gồm: 01 tầng và 01 gác lửng với bề ngang 5m, cha chồng bà xây phòng khách mặt tiền 3,9m, còn chưa 1,1m làm hành lang. Thời gian làm ăn khó khăn, cha chồng bà phải thi hành án nên đã cắt bán bớt cho ông Nguyễn Hữu T1 và bà Dương Thị Bạch T2 01 phần phòng khách mặt tiền với chiều ngang 3,9m, chiều dài 12,5m đến điểm vị trí của cầu thang; còn phần hành lang 1,1m không bán mà làm lối đi vào các phòng còn lại của ngôi nhà và cũng là lối đi duy nhất vào phòng khách và phòng ngủ của gia đình bà hiện nay; các chủ ở thời kỳ trước đây không ai tranh chấp và đi vào lối đi này; cha chồng và bà cũng không có một thỏa thuận nào để tên ai đi vào hành lang này cả. Phần nhà trước bà O và đoạn hành lang vào nhà bà đã cách biệt rõ rệt, có một bức tường gạch nối thẳng từ trước đến chân cầu thang. Đường hành lang 1,1m này là một khối thống nhất của ngôi nhà nằm trong tổng diện tích 133m² của cha chồng bà là ông Nguyễn Lảnh. Cha chồng bà chỉ bán phòng khách phía trước cho ông T1, bà T2 vì căn phòng đã có đường đi là mặt tiền đường T.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà của ông Trương Minh L2 được UBND thành phố Q xác nhận ngày 19/01/2009 thì diện tích sử dụng riêng là 34,2m² (không sử dụng chung đường hành lang và không có diện tích sử dụng chung) và diện tích đất 8,5m² hành lang của gia đình bà cũng không được công nhận quyền sở hữu cho ông Trương Minh L2.

Trích lục bản đồ địa chính vị trí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị Hoàng O cũng không thể hiện đường hẻm đi chung. Vào năm 2007 có đợt cấp sổ đỏ đại trà, cán bộ địa chính phường C xuống đo đạc tùy tiện đo vẽ xác định phần diện tích đất hành lang của gia đình bà là đường đi chung, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà. Theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì toàn bộ diện tích đất 133m² của bà phải được xác định là đất ở tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2011, bà phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai sót nên

đã làm đơn yêu cầu gửi đến **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q** bổ sung diện tích đất hành lang 1,1m mà địa chính **phường C** đo đạc không đưa vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà cho nguyên hiện trạng của thửa đất. Tại Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 nêu: “Khi phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp có sai sót thì **Sở T** có trách nhiệm đính chính đối với giấy chứng nhận thuộc quyền của UBND cấp tỉnh cấp. **Phòng T** có trách nhiệm đính chính đối với giấy chứng nhận do UBND cấp huyện cấp”. Tuy nhiên vào ngày 31/7/2013, ông **Huỳnh Đức D1** - Trưởng **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q** trả lời cho gia đình bà tại Thông báo số 498/TB-VPĐKQSDĐ có nêu: “Căn cứ khoản 3 Điều 91 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật đất đai thì trường hợp hồ sơ bà **Nguyễn Thị Kim B** không đủ điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bổ sung diện tích đường đi vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)”.

Khi nhận Thông báo 498/TB-VPĐKQSDĐ ngày 31/7/2013 thì bà thấy đất của gia đình mình không nằm trong khoản 3 Điều 91 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Bởi vì: Khoản 3 Điều 91 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định: “Nhà nước giao đất để quản lý mà không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau:

a) Đất để xây dựng công trình đường giao thông, cầu cống, vỉa hè, bến phà; hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống công trình thủy lợi, đê, chợ, đập, quảng trường, tượng đài bia niệm;

b) Đất sử dụng vào mục đích công cộng giao cho UBND xã, phường, thị trấn quản lý”.

Như vậy, đất và nhà của bà thuộc quyền sở hữu của gia đình bà, không phải là đất để xây dựng công trình công cộng cũng không phải là đất sử dụng vào mục đích công cộng giao cho UBND xã, phường, thị trấn quản lý; cha mẹ chồng và bà không hiến đất hành lang 1,1m cho Nhà nước và UBND các cấp từ trước đến nay đều không có quyết định thu hồi đất nhưng **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q** lại gây khó khăn, không công nhận và không cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

Theo giấy xác nhận ngày 26/9/2011 và ngày 03/6/2011 của ông **Nguyễn Hữu T1**, chủ mua đầu tiên xác định: Ngôi nhà **A T**, vợ chồng ông đã mua của ông **Nguyễn L** có hành lang vào nhà ông **L** nhưng vợ chồng ông không sử dụng, hơn nữa hành lang này chỉ đi vào riêng nhà ông **L** cho nên ông không sử dụng. Ông **T1** cũng đã làm việc với Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi: khi lập hợp

đồng mua bán nhà thì giữa ông và cụ L thỏa thuận đất hành lang là lối đi chung, nhưng đây là lối đi duy nhất để vào phần nhà phía sau cụ L nên ông T1 không sử dụng và khóa cánh cửa sắt thông qua hành lang. Tuy cụ L có thỏa thuận với vợ chồng ông T1 sử dụng hạn chế bất động sản liền kề là phần đất hành lang làm lối đi, nhưng sau khi mua nhà, ông T1 và bà T2 không có nhu cầu sử dụng hành lang này làm lối đi và thực tế cũng không sử dụng lối đi này nên thỏa thuận giữa cha chồng bà và ông T1 sử dụng đất hành lang làm lối đi đã chấm dứt ngay sau khi mua bán nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật dân sự năm 1995. Mặc khác, 10 hộ dân sống lân cận trên 30 năm ở đây đều xác nhận đất hành lang là của gia đình bà.

Sau khi Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi số 40/2016/DS-ST ngày 14/9/2016 và Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 có hiệu lực pháp luật; ngày 24/5/2018, bà nộp hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** thì bà O cũng đã đồng ý đất hành lang là của gia đình bà. Tại bản mô tả và kết quả đo đạc ranh giới, mốc giới thửa đất, nhà ở ngày 12/6/2018, những người sử dụng đất liền kề đã ký xác nhận gồm: **Lê Thanh D**, **Bùi Hữu V1**, **Nguyễn Thị Ngọc H2** và **Võ Thị Hoàng O**. Điều đó thể hiện bà **Võ Thị Hoàng O** đã công nhận đất hành lang là của bà nên bà được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** đo đạc lại thì diện tích đất hành lang của bà còn lại 8,1m2 so với Bản án sơ thẩm và phúc thẩm Tòa án tuyên là 8,5m2 và **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** đã bổ sung diện tích 8,1m2 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 ngày 25/7/2018 đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 **phường C**, diện tích 73m2 là hợp pháp, đúng quy định.

Ngày 26/11/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi đã làm việc cùng bà và bà O thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết thi hành án. Tại Biên bản thỏa thuận ngày 26/11/2019 bà O đã thừa nhận: “Nay tôi cảm thấy sai với bà B vì phần này nằm trên không gian diện tích đất của bà B. Vì vậy tôi tha thiết đề nghị bà B tạo điều kiện cho tôi được tiếp tục sử dụng nguyên hiện trạng và sẽ bít cửa thoát hiểm”. Đến ngày 12/6/2020, Tòa án nhân dân tối cao có Thông báo số 233/TB-TA, trả lời: “Hai bên đã thỏa thuận việc thi hành án đối với vụ án nói trên, sự thỏa thuận này không trái với quy định pháp luật. Do đó không có căn cứ đề kháng nghị Giám đốc thẩm”.

Như vậy, **Sở T** cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 **phường C**, diện tích 73m2 ngày 25/7/2018 cho bà là đúng pháp luật nên bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Hoàng O**.

Mặt khác ngày 11/7/2022, bà có đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm gửi Tòa án nhân tối cao đề nghị xem xét lại Quyết định Giám đốc thẩm số 16/2022/DS-GĐT ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân tối cao có Thông báo số 2154/TB-TA yêu cầu bà sửa đổi, bổ sung đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm. Ngày 16/9/2022, bà đã nộp đơn sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao; ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân tối cao có Giấy xác nhận đơn số 11064/GXN-TANDTC và hiện nay đang chờ kết quả giải quyết. Do đó, bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chờ chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tối cao.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2022/HC-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm k khoản 1 Điều 95, khoản 5 Điều 98, khoản 3 Điều 100, khoản 3 Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Hoàng O** về việc: Tuyên bố hành vi hành chính của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** về việc không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558, ngày 25/7/2018 đã cấp cho bà **Nguyễn Thị Kim B** là hành vi trái pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Hoàng O**. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 25/7/2018 cho bà **Nguyễn Thị Kim B** tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 **phường C**, đối với phần: “Thực hiện Bản án số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 8,1m2”.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Hoàng O** về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 25/7/2018 cho bà **Nguyễn Thị Kim B** tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 **phường C**, đối với phần: “Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 64,9m2”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/01/2025 bà **Võ Thị Hoàng O** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 10/01/2025 bà **Nguyễn Thị Kim B** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà **Võ Thị Hoàng O** và bà **Nguyễn Thị Kim B** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

*Ý kiến của ông **Nguyễn Chí H**:* ông trình bày vẫn giữ nguyên như nội dung đơn kháng cáo và khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và khởi kiện, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

*Ý kiến của bà **Võ Thị Hoàng O**:* thống nhất như ý kiến ông **H**.

*Ý kiến của bà **Nguyễn Thị Kim B**:* không thống nhất như nội dung kháng cáo của bà **O**. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà **Võ Thị Hoàng O** và bà **Nguyễn Thị Kim B**, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố Quảng Ngãi vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà **Võ Thị Hoàng O** và bà **Nguyễn Thị Kim B**, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05/3/2007, bà **Nguyễn Thị Kim B** được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AH 472264, số vào sổ: H 01312 đối với Thửa đất số 35, Tờ bản đồ số 01, phường C, thành phố Q, diện tích 64,9m², loại đất ở đô thị.

Thực hiện theo Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc “*Tranh chấp về quyền sử dụng lối đi chung và tháo dỡ tài sản trên lối đi chung; tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, tháo dỡ vật kiến trúc và chấm dứt việc trở cửa*”, ngày 24/5/2018, bà B nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ngày 12/6/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q phối hợp với UBND phường C tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của bà B, đã xác định diện tích đất đường đi chung là 8,1m² (giảm 0,4m² so với diện tích 8,5m²).

Ngày 25/7/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 cho bà **Nguyễn Thị Kim B** tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, phường C, thành phố Q, diện tích 73m², đất ở tại đô thị; nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 64,9m². Như vậy, tại thời điểm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/7/2018 cho bà B thì Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đang có hiệu lực pháp luật nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 25/7/2018 cho bà B có phần diện tích đất lối đi chung 8,1m² là đúng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 95, khoản 5 Điều 98, khoản 3 Điều 100, khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[3] Tuy nhiên, đến ngày 19/4/2022, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 16/2022/DS-GĐT về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất đã hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2016/DS-ST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xét xử theo thủ tục sơ thẩm; tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

*“1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Võ Thị Hoàng O**.*

*Buộc bà **Nguyễn Thị Kim B** chấm dứt hành vi cản trở lối đi chung giữa nhà bà **Võ Thị Hoàng O** và nhà bà **Nguyễn Thị Kim B** tại số nhà A, đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.*

*Buộc bà **Nguyễn Thị Kim B** phải tháo dỡ cánh cửa nhôm có diện tích $2,4m^2$ ($1,1m \times 2,2m$) chắn lối đi chung giữa hai nhà (nhà bà **O** và nhà bà **B**) tại số nhà A, đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.*

*Buộc bà **Nguyễn Thị Kim B** tháo tấm tôn gắn vào tường có diện tích $2,068m^2$ ($0,94m \times 2,2m$) nằm ở phía Đông tường nhà bà **Võ Thị Hoàng O** tại số nhà A, đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.*

*Buộc bà **Nguyễn Thị Kim B** phải hoàn trả lại số tiền 2.420.000 (Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng cho bà **Võ Thị Hoàng O** mà Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi đã buộc bà **O** phải thi hành theo Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2017/DS-PT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.*

*2. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu phản tố sau đây của bà **Nguyễn Thị Kim B**:*

*- Tuyên bố diện tích đất $6,0m^2$ (rộng $0,87m \times$ dài $6,9m$) thuộc sở hữu của bà **Nguyễn Thị Kim B** và không đồng ý cho bà **O** đi chung hành lang này tại số nhà A đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.*

*- Buộc bà **Võ Thị Hoàng O** bồi thường giá trị cánh cửa là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.*

*3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của bà **Nguyễn Thị Kim B**...”*

Và tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2025/DS-PT ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã bác toàn bộ kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Kim B**, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2022/HC-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà **Võ Thị Hoàng O** đối với việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CO 338918, số vào sổ cấp GCN: CS 12558 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 25/7/2018 cho bà **Nguyễn Thị Kim B** đối với phần: “*Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng*

đất: 64,9m²”, Hội đồng xét xử xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà O là có căn cứ; bởi vì việc huỷ hay không huỷ cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà O. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này của bà O không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà O và bà B kháng cáo nhưng tại phiên toà phúc thẩm hôm nay không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi nội dung quyết định của bản án hành chính sơ thẩm nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; bác kháng cáo của bà O và bà B, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của bà B và bà O không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 95, khoản 5 Điều 98, khoản 3 Điều 100, khoản 3 Điều 105, Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B và bà Võ Thị Hoàng O; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2022/HC-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Võ Thị Hoàng O và bà Nguyễn Thị Kim B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005460 ngày 02/02/2023 và số 0004988 ngày 27/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Võ Ngọc Thông